

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **84/2024/DS-ST**

Ngày: 10/07/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Đông
2. Ông Nguyễn Thị Thùy Dương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 07 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 305/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 04 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 199/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 05 năm 2024; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa dân sự sơ thẩm số 129/TB-TA ngày 06/6/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ**

Trụ sở: **T, A T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Đức T** – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trương Minh T1** - Chức vụ: Giám đốc **Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1.**

Địa chỉ: **Số E Đại lộ Đ, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.**

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Huỳnh Phát H** – Phó giám đốc **phòng G**; (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1976; (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: **ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre**

Địa chỉ hiện nay: **số B tổ G, ấp L, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.**

2.2 Bà **Nguyễn Thị Bích N**, sinh năm 1973; (Vắng mặt)

Địa chỉ: **số B tổ G, ấp L, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.**

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Thị T3**, sinh năm 1978; (Vắng mặt)

Địa chỉ: **ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Huỳnh Phát H** trình bày:*

Ông **Nguyễn Văn T2** và bà **Nguyễn Thị Bích N** có quan hệ vay vốn tại **Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1 - Phòng G** theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7772316/HĐTD ngày 26/8/2015 với thỏa thuận:

Số tiền vay: 150.000.000 đồng

Mục đích vay: Bơm cát làm hàng rào, trang trí nội thất.

Thời hạn vay: 60 tháng

Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 5.787,6 m² thuộc thửa 140, tờ bản đồ 7, tọa lạc tại **xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 303301 cấp ngày 03/7/2015.

Trong quá trình vay vốn ông **T2** và bà **N** đã không thực hiện đúng thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng để phát sinh nợ quá hạn kéo dài. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông **T2** và bà **N** vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Dư nợ phát sinh tạm tính đến ngày 10/7/2024 là: 85.480.685 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Buộc ông **Nguyễn Văn T2** và bà **Nguyễn Thị Bích N** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ** số tiền tạm tính đến ngày 10/7/2024 là: 85.480.685 đồng, gồm:

-Dư nợ gốc: 13.000.000 đồng

-Lãi trong hạn: 64.050.036 đồng

-Lãi phạt quá hạn: 8.430.649 đồng

Buộc ông **Nguyễn Văn T2** và bà **Nguyễn Thị Bích N** tiếp tục chịu lãi vay trong hạn và lãi phạt quá hạn phát sinh từ ngày 11/7/2024 cho đến ngày trả tất nợ vay tại Ngân hàng.

Trường hợp ông **Nguyễn Văn T2** và bà **Nguyễn Thị Bích N** không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/7772316/HĐBĐ ngày 26/8/2015 đã ký để thu hồi nợ vay gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích

5.787,6 m² thuộc thửa 140, tờ bản đồ 7, tọa lạc tại xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 303301 cấp ngày 03/7/2015.

Tòa án đã mời bị đơn ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị Bích N đến Tòa nhiều lần để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không đến và cũng không có văn bản nêu ý kiến nên không có lời trình bày.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T3 trình bày:

Đối với thửa đất 140, tờ bản đồ số 7 và căn nhà trên đất là tài sản của anh T2 không có liên quan tới bà. Do hiện nay bà không có chỗ ở nên về ở tạm trên căn nhà trên đất. Đối với yêu cầu của Ngân hàng nếu ông T2, bà N không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký để thu hồi nợ thì bà không có ý kiến hay tranh chấp gì. Nếu có phát mãi tài sản thì bà đồng ý di dời, giao tài sản phát mãi.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Bị đơn ông T2, bà N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T3 đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 tiến hành xét xử vắng mặt ông T2, bà N, bà T3.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Bích N phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm tính đến ngày 10/7/2024 là: 85.480.685 đồng, trong đó: Dư nợ gốc: 13.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 64.050.036 đồng; Lãi phạt quá hạn: 8.430.649 đồng theo Hợp đồng tín dụng 01/2015/7772316/HĐTD ngày 26/8/2015.

Buộc ông T2, bà N phải tiếp tục liên đới chịu số tiền nợ lãi, phí phát sinh từ ngày 11/7/2024 đến khi ông T2, bà N trả tất nợ vay cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng 01/2015/7772316/HĐTD ngày 26/8/2015.

Trong trường hợp ông T2, bà N không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi thì Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/7772316/HĐBĐ ngày 26/8/2015 để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của **Ngân hàng TMCP Đ**, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn ông **Nguyễn Văn T2** và bà **Nguyễn Thị Bích N**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị T3** đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **T2**, bà **N**, bà **T3**.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu thanh toán tiền theo hợp đồng tín dụng:

Ngân hàng cho rằng, ông **T2**, bà **N** có ký kết với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7772316/HĐTD ngày 26/8/2015, với các thỏa thuận:

Số tiền vay: 150.000.000 đồng

Mục đích vay: Bơm cát làm hàng rào, trang trí nội thất

Thời hạn vay: 60 tháng

Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền này cho bên vay. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông **T2**, bà **N** đã không thực hiện đúng thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng, để phát sinh nợ quá hạn, khoản vay đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 28/8/2016. Ngân hàng đã tạo điều kiện cho ông **T2**, bà **N** trả nợ nhưng ông, bà không có thiện chí trả nợ, hiện nay không còn sinh sống ở địa phương.

Số tiền nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7772316/HĐTD ngày 26/8/2015 tạm tính đến ngày 10/7/2024 là: 85.480.685 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông **T2**, bà **N** phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền này.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7772316/HĐTD ngày 26/8/2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời ông **T2**, bà **N** đến tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông, bà không đến và cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Đồng thời, ông **T2**, bà **N** cũng đã được tổng đạt hợp lệ đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp nhưng ông, bà không có văn bản trình bày ý kiến hay phản đối gì đối với các chứng cứ này.

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 01/2015/7772316/HĐTD ngày 26/8/2015 thì ông T2, bà N có ký tên tại mục “Bên vay”.

Tại các biên bản làm việc giữa Ngân hàng và ông T2 về việc xử lý khoản nợ vay của khách hàng thì ông T2 cũng thừa nhận có nợ tiền Ngân hàng nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn ông xin gia hạn thời gian trả tiền gốc, lãi cho Ngân hàng.

Từ những chứng cứ trên xác định ông T2, bà N có ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2015/7772316/HĐTD ngày 26/8/2015 với Ngân hàng và số tiền nợ phát sinh tạm tính đến ngày 10/7/2024 là 85.480.685 đồng.

Tại Điều 5 Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7772316/HĐTD ngày 26/8/2015 có nội dung:

“5. Kế hoạch trả nợ gốc/lãi:

a) Lịch trả nợ gốc: bên vay cam kết trả nợ gốc vào ngày 27 của tháng 2,8 hàng năm, số tiền trả mỗi kỳ là 15.000.000đ, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 27/02/2015, kỳ trả nợ cuối vào ngày 27/08/2020....”

Căn cứ Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng kèm theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7772316/HĐTD ngày 26/8/2015 được ký kết giữa Ngân hàng và ông T2, bà N thể hiện:

Tại điểm d, khoản 4, Điều 9 về Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng có nội dung:

“4. Đình chỉ cho vay và thu hồi nợ trước thời hạn khi có một trong các trường hợp sau:....

“Bên vay không trả được bất kỳ một khoản nợ nào đến hạn phát sinh từ Hợp đồng tín dụng này mà không được gia hạn/điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, hoặc đã hết thời gian gia hạn/điều chỉnh kỳ hạn trả nợ”...”

Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng đã ký kết thì khoản vay đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 28/8/2016, ông T2, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T2, bà N phải thanh toán khoản nợ gốc, lãi trước hạn là có căn cứ chấp nhận.

Số tiền gốc, lãi phát sinh tạm tính đến ngày 10/7/2024 là: 85.480.685 đồng, gồm: Dư nợ gốc: 13.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 64.050.036 đồng; Lãi phạt quá hạn: 8.430.649 đồng. Do đó, buộc ông T2, bà N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền này.

Ông T2 và bà N cùng ký kết hợp đồng tín dụng, hiện nay ông, bà đang tồn tại hôn nhân hợp pháp do đó Ngân hàng yêu cầu buộc ông T2, bà N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền trên là phù hợp.

Ngân hàng yêu cầu ông T2, bà N phải tiếp tục chịu phần nợ lãi, phí phát sinh từ ngày 11/7/2024 cho đến khi tất nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Thấy rằng, nội dung yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận giữa các bên tại Hợp đồng tín dụng nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét hợp đồng thế chấp:

Để bảo đảm cho khoản vay trên thì giữa Ngân hàng và ông T2, bà N đã ký kết hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/7772316/HĐBĐ ngày 26/8/2015, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 5.787,6 m² thuộc thửa 140, tờ bản đồ 7, tọa lạc tại xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 303301 cấp ngày 03/7/2015.

Ngân hàng yêu cầu trường hợp ông T2, bà N không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Trong quá trình giả quyết vụ án ông T2, bà N đều biết được yêu cầu của Ngân hàng đối với tài sản thế chấp cũng như những chứng cứ nguyên đơn cung cấp liên quan đến hợp đồng thế chấp nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và không phản đối các chứng cứ đã được nhận. Tại hợp đồng thế chấp thì ông T2, bà N đều có ký tên tại mục “Đại diện bên thế chấp”. Như vậy, có căn cứ xác định giữa ông T2, bà N và Ngân hàng có ký kết hợp đồng thế chấp trên.

Tại điểm a, b khoản 1, Điều 9 hợp đồng thế chấp thể hiện các trường hợp xử lý tài sản thế chấp:

“...a) Đến hạn thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng và/hoặc Hợp đồng bảo lãnh mà bên bảo đảm không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ;

b) Bên thế chấp vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng và/hoặc Hợp đồng cấp bảo lãnh được bảo lãnh bằng hợp đồng này dẫn đến việc phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ trước hạn;...”

Tại các biên bản làm việc để xử lý nợ ông T2 đều trình bày nếu trường hợp không trả được nợ thì đồng ý giao tài sản cho Ngân hàng để bán đấu giá thu hồi nợ.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/4/2024 của Tòa án thì hiện nay bà T3 đang ở tại căn nhà trên thửa đất thế chấp. Tuy nhiên, bà T3 cũng trình bày tài sản trên đất là của ông T2, bà không có liên quan. Trường hợp phải phát mãi tài sản thế chấp thì bà đồng ý di dời giao tài sản để phát mãi thu hồi nợ, không có ý kiến hay tranh chấp gì.

Do ông T2, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, gốc lãi cho Ngân hàng và vi phạm thỏa thuận tại các biên bản làm việc nên Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/7772316/HĐBĐ ngày 26/8/2015 để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T2, bà N phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí sơ thẩm số tiền 4.274.000 đồng.

H1 lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí là 2.718.000 đồng theo biên lai thu số 0002109 ngày 08/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

5]. Về chi phí tố tụng: Số tiền 200.000 đồng Ngân hàng TMCP Đ phải chịu, đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Bích N.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Bích N phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm tính đến ngày 10/7/2024 là: 85.480.685 đồng, gồm:

-Dư nợ gốc: 13.000.000 đồng

-Lãi trong hạn: 64.050.036 đồng

-Lãi phạt quá hạn: 8.430.649 đồng

Theo Hợp đồng tín dụng 01/2015/7772316/HĐTD ngày 26/8/2015 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1 - Phòng G với ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Bích N.

2. Buộc ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Bích N phải tiếp tục liên đới chịu số tiền nợ lãi, phí phát sinh từ ngày 11/7/2024 đến khi ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Bích N trả tất nợ vay cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng 01/2015/7772316/HĐTD ngày 26/8/2015 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1 - Phòng G với ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Bích N.

3. Đình chỉ thực hiện Hợp đồng tín dụng 01/2015/7772316/HĐTD ngày 26/8/2015 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1 - Phòng G với ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Bích N.

4. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Bích N không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi thì Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/7772316/HĐBĐ ngày 26/8/2015 để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 140, tờ bản đồ 7, tọa lạc tại xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 303301 do UBND huyện M cấp ngày 03/7/2015 cho ông Nguyễn Văn T2.

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Chi phí tố tụng: Số tiền 200.000 đồng Ngân hàng TMCP Đ phải chịu, đã nộp xong.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Bích N phải liên đới chịu án phí sơ thẩm số tiền 4.247.000 đồng.

H1 lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí là 2.718.000 đồng theo biên lai thu số 0002109 ngày 08/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu (Hs, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Yến